

Số: /KH-UBND

Son La, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

Hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026

Thực hiện Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25/6/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 03 năm 2026-2028; Công văn số 3233/BKHCN-KHTC ngày 18/7/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026; Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026 với những nội dung như sau:

A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

I. Mục đích

Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động khoa học và công nghệ bám sát phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ; Nghị quyết quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 11/6/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.

II. Yêu cầu

1. Tập trung thực hiện thắng lợi nhiệm vụ, mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 theo tinh thần chỉ đạo của Bộ Khoa học và Công nghệ, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025-2030. Thực hiện tốt các Chỉ thị, Nghị quyết và các văn bản chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Bộ, Tỉnh. Khơi thông và tăng cường huy động nguồn lực xã hội đầu tư cho KH&CN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Cụ thể hóa các nhiệm vụ được phân công đối với lĩnh vực khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thành các mục tiêu cụ thể. Thực hiện có hiệu quả Kế hoạch Khoa học và Công nghệ năm 2026 gắn kết nhiệm vụ KH&CN và đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Phát triển mạnh mẽ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh nhằm thích ứng với xu thế phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

B. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH, DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH&CN NĂM 2026

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW;

- Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07/02/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2026-2030;

- Luật Ngân sách Nhà nước (sửa đổi) số 89/2025/QH15;

- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

- Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14;

- Luật Công nghệ cao số 21/2008/QH12;

- Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;

- Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15;

- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15;

- Luật Năng lượng nguyên tử số 18/2008/QH12, Luật Năng lượng nguyên tử (sửa đổi);

- Luật Đo lường số 04/2011/QH13;

- Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11;

- Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW;

- Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định này;

- Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 05/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển thị trường KH&CN đồng bộ, hiệu quả, hiện đại và hội nhập;
- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;
- Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026-2028;
- Công văn số 8324/BTC-TH ngày 13/6/2025 của Bộ Tài chính về xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2026.
- Công văn số 3233/BKHCN-KHTC ngày 18/7/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026;
- Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 11/6/2025 của UBND tỉnh Sơn La về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.

C. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KH, CN, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAO ĐOẠN 2021-2025

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KH, CN, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAO ĐOẠN 2021-2025

1. Tình hình ban hành và triển khai thực hiện các cơ chế và chính sách quản lý KH, CN, ĐMST&CDS

Trình cấp có thẩm quyền ban hành 25 văn bản liên quan đến chức năng nhiệm vụ về hoạt động khoa học công nghệ; sở hữu trí tuệ, quản lý công nghệ, an toàn bức xạ - hạt nhân và khởi nghiệp sáng tạo. Việc tham mưu ban hành các văn bản đã tạo hành lang pháp lý và cơ sở để thực hiện hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, HTX, các tổ chức cá nhân trên địa bàn tỉnh có hoạt động khoa học và công nghệ; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội chung của tỉnh nhất là khu vực đồng bào dân tộc thiểu số (*Phụ lục 2, biểu 2-6 kèm theo*).

2. Kết quả hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực KH, CN, ĐMST&CDS đặc biệt là kết quả của hoạt động KH, CN, ĐMST&CDS tác động đến phát triển kinh tế - xã hội trong từng lĩnh vực, bao gồm

2.1. Hoạt động khoa học, công nghệ

Hoạt động quản lý khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh Sơn La đã được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đánh giá cao, góp phần xóa đói giảm nghèo, tăng thu nhập đáng kể cho người dân trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số.

Hàng năm căn cứ định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, đã triển khai xây dựng định hướng nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ, trên cơ sở đó UBND tỉnh đã đặt hàng nhiệm vụ KH&CN và tuyển chọn tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm có năng lực, trình độ chuyên môn phù hợp để tổ chức triển khai thực hiện. Giai đoạn 2021-2025, đã lãnh đạo triển khai quản lý thực hiện 63 nhiệm vụ KH&CN (*gồm 37 nhiệm vụ phê duyệt mới và 26 nhiệm vụ chuyển*

tiếp). Tính đến nay đã nghiệm thu 34 nhiệm vụ, 29 nhiệm vụ đang triển khai, bàn giao kết quả nghiên cứu của 27 nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị. Một số đề tài có kết quả nổi bật đã bắt đầu được ứng dụng trong thực tiễn như: Nghiên cứu tuyển chọn được 02 giống dòng/giống cà phê chè nhập nội (*H1, Stamaya*) và 01 dòng giống trong nước có năng suất, chất lượng cao, tuyển chọn được 03 giống hoa cát tường phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của tỉnh, đem lại hiệu quả kinh tế cao. Bên cạnh đó đã nghiên cứu bảo tồn và phát triển nguồn gen các giống cây trồng đặc hữu của tỉnh như: Nếp tan Nậm Mẩn, giống lúa địa phương (*I1*)...; dự án ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN vào phát triển giống bơ Boot, bơ 034 đã góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương... Các nghiên cứu về xã hội, nhân văn góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa lịch sử phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển du lịch như đề tài “Nghiên cứu và xây dựng mô hình điển hình về phát triển du lịch xanh tại khu du lịch quốc gia Mộc Châu”; đề tài “Ứng dụng công nghệ VR (*công nghệ thực tế ảo*) xây dựng mô hình tham quan Di tích quốc gia đặc biệt Nhà tù Sơn La” (*có phụ lục 2, biểu 2-2, biểu 2-3 kèm theo*).

2.2 Đổi mới sáng tạo và phát triển thị trường công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp khoa học và công nghệ

Triển khai hiệu quả Đề án 844 của Thủ tướng Chính phủ theo hướng đồng bộ, toàn diện. Trong đó, chú trọng tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tổ chức các cuộc thi, hội nghị, hội thảo nhằm chia sẻ kinh nghiệm, lan tỏa tinh thần khởi nghiệp sáng tạo trong toàn xã hội. Đặc biệt, đã chỉ đạo tham mưu UBND tỉnh tổ chức thành công Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Sơn La lần thứ nhất (*Techfest Sơn La 2022*) góp phần kết nối giữa các cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp với các chuyên gia, tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp quốc gia, thúc đẩy sự phát triển của hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo tại địa phương. Tính đến nay, tỉnh Sơn La đã đạt mục tiêu hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cấp độ 2 (*hệ sinh thái cơ bản*), tạo nền tảng để tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn tiếp theo (*có phụ lục 2, biểu 2-4, biểu 2-5 kèm theo*).

2.3. Sở hữu trí tuệ

Hoạt động sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đánh giá cao, góp phần xóa đói giảm nghèo, tăng thu nhập đáng kể cho người dân trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số. Bên cạnh đó, sản phẩm có thương hiệu làm tăng giá trị sản phẩm (*giá bán cao hơn so với khi chưa có thương hiệu*), thay đổi nhận thức của người dân về thói quen canh tác lạc hậu sang canh tác, sản xuất ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ; sản xuất sản phẩm hàng hóa theo thị trường và nhu cầu của người tiêu dùng.

Tổ chức thực hiện tốt các cơ chế, chính sách và các quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ. Căn cứ trên cơ sở các cơ chế, chính sách do trung ương ban hành, Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 04/3/2021 về triển khai thực hiện Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 3011/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê

duyet Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025 và đến năm 2030.

Việc ban hành các cơ chế, chính sách của tỉnh về xây dựng, quản lý và phát triển thương hiệu sản phẩm đã có tác động tích cực đến nhận thức của các DN, HTX về sản xuất sản phẩm theo hướng đáp ứng yêu cầu của thị trường và nhu cầu của người tiêu dùng. Bên cạnh đó, tạo điều kiện cho các DN, HTX nhiều cơ hội tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, tiếp cận thị trường xuất khẩu sản phẩm.

Đến tháng 7/2025, trên địa bàn tỉnh Sơn La có 31 sản phẩm nông sản của tỉnh mang địa danh đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ, trong đó 03 chỉ dẫn địa lý (*chè Shan Tuyết Mộc Châu, xoài tròn Yên Châu, cà phê Sơn La*); 26 sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận (*Táo Sơn Tra Sơn La, cá Tầm Sơn La, cá Sông Đà Sơn La, chè Phổng Lái Thuận Châu, Na Mai Sơn, Bơ Mộc Châu, chuối Yên Châu, nếp Mường Và Sốp Cộp, rau an toàn Mộc Châu, chè Olong Mộc Châu, nhãn Sông Mã, cam Phù Yên; rau an toàn Sơn La; chanh leo Sơn La; Mận Sơn La, chè Tà Xùa Bắc Yên, Thanh long Sơn La, Dứa Sơn La, Mắc ca Sơn La*); 02 sản phẩm mang nhãn hiệu tập thể (*Mật Ong Sơn La, khoai sọ Thuận Châu*).

Riêng đối với sản phẩm chè Shan Tuyết Mộc Châu đã được bảo hộ tại Thái Lan năm 2017. Đây là sản phẩm nông nghiệp đầu tiên của tỉnh đăng ký bảo hộ thành công tại nước ngoài; Sau khi hiệp định EVFTA (*hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (28 nước thành viên)*) có hiệu lực vào tháng 7/2020, tỉnh Sơn La có thêm 02 sản phẩm “chè Shan Tuyết Mộc Châu” và “xoài tròn Yên Châu” được bảo hộ tại thị trường Châu Âu theo cam kết.

Hiện nay, Sở Khoa học và Công nghệ đang tiếp tục xây dựng thương hiệu cho sản phẩm: Gạo nếp tan Ngọc Chiên, Hồng giòn Mộc Châu, Dâu tây Sơn La, Mãng Vân Hồ và đang thực hiện quy trình tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt nội dung xây dựng và phát triển thương hiệu cho một số sản phẩm chủ lực của tỉnh. Thực hiện rà soát văn bằng bảo hộ chỉ dẫn địa lý (*viết tắt là CDDL*), nhãn hiệu chứng nhận (*viết tắt là NHCN*), nhãn hiệu tập thể (*viết tắt là NHTT*) trên địa bàn tỉnh chịu tác động của việc sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã và tổ chức hệ thống chính quyền địa phương 2 cấp để đề xuất phương án xử lý đối với các văn bằng bảo hộ do UBND huyện, thị xã, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các tổ chức hội làm chủ sở hữu.

Về tuyên truyền, phổ biến kiến thức, chính sách và pháp luật về SHTT: Công tác tuyên truyền tổ chức dưới nhiều hình thức như: Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về SHTT trên Đài phát thanh truyền hình tỉnh Sơn La, Truyền hình VTC16 về nông nghiệp nông thôn, đã phối hợp xây dựng các phóng sự về các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh được bảo hộ. Đưa tin hoạt động SHTT trên tạp san thông tin KH&CN, tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo với các nội dung về nâng cao nhận thức cho người dân về việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, phát triển thương hiệu sản phẩm, ứng dụng công nghệ trong việc quản lý, duy trì thương hiệu các sản phẩm.

Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh thành lập và tổ chức 92 phiên họp Hội đồng đánh giá hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến, đề tài khoa học cấp tỉnh. Trong nhiệm kỳ đã chỉ đạo tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh

công nhận 181 giải pháp có hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến trên địa bàn tỉnh và 04 giải pháp có phạm vi ảnh hưởng toàn quốc. Năm 2025, đang tiến hành chuẩn bị các điều kiện để tổ chức họp, xét đánh giá hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến cấp tỉnh, cấp toàn quốc đối với ngành Giáo dục và Đào tạo.

2.4 Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Tham mưu UBND tỉnh trình ban hành Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 01/11/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng, sản phẩm hàng hoá trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch số 258-KH/TU ngày 03/10/2024 của Tỉnh ủy Sơn La thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

Trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai “Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc” trên địa bàn tỉnh Sơn La, giai đoạn 2021-2030”; Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hoá; Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2021 về kế hoạch tổng thể nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030; Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh Sơn La triển khai thực hiện Kế hoạch số 258-KH/TU ngày 03/10/2024 của Tỉnh ủy Sơn La thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW ngày 30/7/2024 của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp.

Trong giai đoạn 2021-2025, Sở Khoa học và Công nghệ đã thực hiện việc kiểm tra đối với 10.076 phương tiện đo nhóm 2 (*các phương tiện điều được kiểm định định kỳ theo quy định*); thực hiện xây dựng, áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 đối với 32 cơ quan hành chính nhà nước theo Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ; thực hiện 27 cuộc kiểm tra chất lượng sản phẩm hàng hóa trên địa bàn tỉnh Sơn La; đã tiến hành khảo sát chất lượng sản phẩm hàng hóa và thực hiện lấy 20 mẫu thực phẩm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

2.5 Thông tin, ứng dụng và hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

Phối hợp tuyên truyền về khoa học và công nghệ trên Báo Sơn La, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh, Cổng Thông tin điện tử của tỉnh; tuyên truyền kỷ niệm Ngày KH&CN Việt Nam, Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới; tiếp nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN, công bố thông tin, cấp giấy chứng nhận đối với các nhiệm vụ đã nghiệm thu theo quy định; tra cứu thông tin đề xuất đặt hàng các phục vụ hội đồng tuyển chọn KH&CN; Thực hiện các cuộc điều tra Thống kê theo Thông tư số 15/2018/TT-BKHCN ngày 15/11/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ về quy định chế độ thống kê ngành KH&CN

Triển khai một số nhiệm vụ ứng dụng tiên bộ KHCN nổi bật như: Trồng thử nghiệm cúc hoa vàng làm nguồn dược liệu; Trồng, chăm sóc và xử lý thành

công giống hoa lan Hồ Điệp loại đại, lan Hồ Điệp loại trung và lan Hồ Điệp mini; Xây dựng mô hình nuôi dúi Mốc (*Rhizomys sinensis*); Ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, áp dụng các biện pháp kỹ thuật thâm canh nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm của một số giống na mới (*na Hoàng Hậu, na Sầu Riêng*); Ứng dụng tiên bộ kỹ thuật xây dựng mô hình nuôi lợn rừng cho đồng bào dân tộc người H'Mông trên địa bàn xã Nà Ốt, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; Ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học nhân rộng mô hình trồng nho Hạ Đen phục vụ cho hoạt động du lịch trải nghiệm.

Thực hiện khảo sát nắm bắt nhu cầu hỗ trợ của các hợp tác xã, cá nhân, các nhóm cá nhân liên quan đến hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Sơn La. Tổ chức lớp tập huấn sản xuất, chế biến chế phẩm sinh học cho các hợp tác xã khởi nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho mạng lưới cố vấn địa phương cho các đơn vị trên địa bàn tỉnh.

2.6. Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân

Thực hiện Kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 28/11/2018 về Ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh Sơn La. Căn cứ Kế hoạch của tỉnh, các cơ sở sử dụng X-quang chẩn đoán trong y tế xây dựng Kế hoạch thực hiện bảo đảm an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ cấp cơ sở của đơn vị. Tính đến thời điểm báo cáo, trên địa bàn tỉnh chưa đề xảy ra bất kỳ trường hợp nào mất an ninh nguồn phóng xạ và không bảo đảm an toàn bức xạ.

Công tác kiểm tra và đảm bảo an ninh đối với thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ tại các cơ sở sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế, các cơ sở sử dụng nguồn phóng xạ trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo đúng quy định; trong đó 100% các cơ sở đã được thanh tra, kiểm tra theo đúng quy định của Luật năng lượng nguyên tử.

2.7 Bưu chính, viễn thông, internet

a) Bưu chính

Phát triển bưu chính đáp ứng hạ tầng thiết yếu của nền kinh tế số, nhất là thương mại điện tử; phát triển các sàn thương mại điện tử của doanh nghiệp bưu chính để các hộ sản xuất nông nghiệp và người dân có thể giao dịch mua bán sản phẩm, hàng hóa trên môi trường số (*buudien.vn; nongsan.buudien.vn*); góp phần thúc đẩy phát triển Chính quyền số, xã hội số - Bưu chính đáp ứng hạ tầng thiết yếu của nền kinh tế số và thương mại điện tử. Hỗ trợ doanh nghiệp bưu chính tham gia thực hiện giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa các cấp, góp phần tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp giảm thời gian đi lại và chi phí xã hội.

100% TTHC thuộc lĩnh vực bưu chính thuộc danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Kịp thời niêm yết, công khai các TTHC thuộc lĩnh vực bưu chính tại trụ sở cơ quan, Cổng Thông tin điện tử của Sở và Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh.

Mạng bưu chính hoạt động ổn định, khai thác có hiệu quả với 269 điểm phục vụ; bán kính phục vụ bình quân là 4,090 km/điểm. Mạng vận chuyển tiếp tục được củng cố và nâng cao chất lượng, xây dựng phương án kịp thời xử lý

các tình huống thiên tai, bão lũ, bảo đảm an toàn các tuyến đường thư. Doanh thu bưu chính trung bình đạt 170 tỷ đồng/năm.

b) Viễn Thông, Internet

Cơ sở hạ tầng mạng lưới viễn thông của tỉnh được mở rộng, hiện đại hóa và phát triển mạnh mẽ, hết 6 tháng 2025, đã có ... tuyến truyền dẫn cáp quang, với tổng chiều dài km cáp quang được kết nối từ tỉnh đến các huyện, thành phố và 204/204 xã, phường, thị trấn. Hệ thống thông tin di động được đầu tư phát triển, tổng số vị trí BTS hiện có 1.270 trạm 2G, 932 trạm 3G, 1.678 trạm 4G, 42 trạm 5G. 100% xã đã có mạng thông tin băng rộng cố định (*cáp quang*) và được phủ cáp mạng thông tin băng rộng di động (4G). Tỷ lệ số bản có băng rộng cố định đạt 80,03%; tỷ lệ hộ gia đình có thuê bao cáp quang đạt 55,05%. Tỷ lệ số bản được phủ sóng băng rộng di động 4G đạt 96,9%; Tỷ lệ dân số được phủ sóng 4G đạt 97,25%; Tỷ lệ dân số được phủ sóng 5G đạt 10,14%; Duy trì mạng truyền số liệu chuyên dùng tỉnh kết nối từ UBND tỉnh đến 100% các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã; Tỷ lệ số hộ có điện thoại thông minh đạt 96,39%. Giai đoạn 2021-2025 đã thẩm định, chấp thuận đối với 370 vị trí trạm thông tin di động, 1.455 tuyến cáp quang của các doanh nghiệp viễn thông có vị trí, địa điểm lắp đặt đã phù hợp với quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Sơn La đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

Thuê bao điện thoại hiện có 991.492 thuê bao (*tăng 125.416 thuê bao so với năm 2020*), đạt mật độ 73,90 thuê bao/100 dân. Trong đó, điện thoại cố định là 11.029 thuê bao (*giảm 24.494 thuê bao so với năm 2020*); Điện thoại di động là 980.463 thuê bao (*tăng 149.910 thuê bao so với năm 2020*). Thuê bao Internet băng rộng cố định: 157.013 thuê bao (*tăng 47.127 thuê bao so với năm 2020*) Tốc độ tăng trưởng các dịch vụ viễn thông luôn đạt ở mức cao, đặc biệt là dịch vụ thông tin di động, doanh thu các dịch vụ viễn thông hàng năm tăng trung bình 6%/năm.

c) Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu

- 100% các cơ quan quản lý nhà nước và cá nhân có thẩm quyền ký văn bản từ cấp tỉnh đến cấp xã đã được cấp chứng thư số chuyên dùng Chính phủ. Hết tháng 6/2025, số chứng thư số chuyên dùng công vụ còn đang hoạt động của tỉnh Sơn La là 7.876, trong đó: 1.194 Chứng thư số của tổ chức, 6.682 Chứng thư số cá nhân: 5.081 chứng thư số loại Token, 516 Chứng thư số loại SIM-PKI, 1085 Chứng thư số RSSP (*ký số tập trung*).

- Các hệ thống dùng chung của tỉnh Sơn La (*Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành, Trục tích hợp và chia sẻ dùng chung của tỉnh, Hệ thống báo cáo*) đã được cài đặt trên Hạ tầng trung tâm dữ liệu công nghệ điện toán đám mây của các doanh nghiệp viễn thông phục vụ chỉ đạo, điều hành và phục vụ người dân, doanh nghiệp đảm bảo liên tục thông xuất.

+ Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Sơn La đã kết nối hoàn toàn với Cổng dịch vụ công quốc gia, kết nối với các Cơ sở dữ liệu quốc gia và hệ thống EMC của Bộ Khoa học và Công nghệ; Kết nối, đồng bộ, khai thác các Kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trước đây; đã cấp trên

2.500 tài khoản cho cán bộ, công chức viên chức tham gia quá trình giải quyết thủ tục hành chính;

+ Hệ thống quản lý văn bản và điều hành: Đã cập nhật mã định danh cơ quan tổ chức; thực hiện cấu hình đầy đủ cho 75 xã mới; cấp trên 5.000 tài khoản cho cán bộ công chức, viên chức để sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành;

+ Hệ thống họp trực tuyến vận hành đảm bảo cho 75 xã mới đảm bảo các cuộc họp từ trung ương đến xã, từ tỉnh đến xã.

* Kết quả thực hiện chỉ tiêu Kinh tế xã hội chủ yếu; Tỷ lệ người sử dụng Internet

Thực hiện Quyết định số 2889/QĐ-UBND về việc giao trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kinh tế xã hội chủ yếu 5 năm giai đoạn 2021-2025. Hàng năm, Sở Thông tin và Truyền thông (*nay là Sở Khoa học và Công nghệ*) thực hiện xây dựng kịch bản tăng trưởng thực hiện chỉ tiêu: Tỷ lệ người sử dụng Internet, Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông di động chủ động xây dựng kế hoạch, lộ trình, tiến độ đầu tư, phát triển mạng lưới phủ sóng di động tại các thôn/bản thuộc địa bàn đặc biệt khó khăn chưa được phủ sóng. Tập trung ưu tiên đầu tư hỗ trợ phủ sóng di động băng rộng cho các thôn/bản chưa có sóng di động băng rộng trên cơ sở tận dụng hạ tầng sẵn có của doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh, đảm bảo tiết kiệm, tối ưu chi phí, tránh chồng chéo. Hàng năm xây dựng Kế hoạch Phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng; chia sẻ, sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh Sơn La. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng cố định, băng rộng di động 3G/4G/5G cho các xã vùng sâu vùng xa.

Kết quả: Tỷ lệ người sử dụng internet toàn tỉnh ước hết 6 tháng đầu năm 2025 ước đạt 60,9% vượt 20,8% kế hoạch giai đoạn 2021-2025.

2.8. Chuyển đổi số quốc gia, Chính phủ điện tử, Chính phủ số

- Tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, nâng cao năng lực chuyển đổi số Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số (*theo 02 hình thức: Trực tiếp tại tỉnh và trực tuyến đến tất cả các xã, phường*) cho cán bộ, công chức, viên chức các sở, ban, ngành, xã, phường tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh với hơn 6.000 lượt học viên tham gia.

- Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường đã tổ chức các hội nghị, hội thảo (*hình thức: Trực tiếp và trực tuyến*) về chuyển đổi số của ngành, lĩnh vực, địa phương với gần 11.300 lượt tham gia của cán bộ, công chức, viên chức các sở, ngành, xã, phường trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Cục Chuyển đổi số Quốc gia, Bộ Khoa học Công nghệ triển khai các khóa bồi dưỡng về chuyển đổi số và an toàn thông tin cơ bản cho cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước trên nền tảng học trực tuyến mở (MOOCs), số lượng học viên được cấp tài khoản là 1.610 học viên, đến nay đã có 7.822 lượt học viên tham gia, hoàn thành các khóa học trực tuyến về chuyển đổi số và an toàn thông tin cơ bản.

- Chỉ đạo đẩy mạnh tuyên truyền về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Trang thông tin điện tử các cơ quan, đơn vị, hệ thống thông tin cơ sở, kết quả:

+ Báo Sơn La đã đăng tải gần 1.300 tin, bài, ảnh, video clip tuyên truyền về chuyển đổi số trên báo in, báo điện tử;

+ Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh đã xây dựng và phát sóng trên 700 tin, bài, phóng sự tuyên truyền về chuyển đổi số. Các tin, bài phóng sự được tuyên truyền trong các chương trình thời sự và các chuyên đề, chuyên mục bằng tiếng Phổ thông, tiếng Thái, tiếng Mông trên sóng phát thanh, truyền hình, nền tảng số, mạng xã hội;

+ Cổng Thông tin điện tử tỉnh Sơn La đăng tải trên 230 tin, bài, ảnh tại chuyên mục Chuyển đổi số và trên 100 văn bản chỉ đạo điều hành về Chuyển đổi số. Cổng/Trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường đã cung cấp trên 2.630 tin, bài, ảnh, chương trình, phóng sự về Chuyển đổi số của ngành, lĩnh vực, địa phương;

+ UBND các xã, phường đã đăng tải, phát sóng gần 2.050 tin, bài, ảnh, chương trình, phóng sự, buổi tuyên truyền về Chuyển đổi số trên Trang thông tin điện tử, hệ thống truyền thanh cơ sở... bằng tiếng phổ thông, tiếng dân tộc.

- Cung cấp các dịch vụ công trực tuyến thông qua mạng lưới bưu chính công ích: Hiện nay, tổng số thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến của tỉnh là 1.843 thủ tục có thể tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả thông qua dịch vụ bưu chính công ích (*trong đó: 1.560 dịch vụ công trực tuyến toàn trình, 283 dịch vụ công trực tuyến một phần*).

2.9. Kinh tế số, xã hội số

- Kinh tế số: Toàn tỉnh hiện có 81 máy giao dịch tự động ATM/CDM, 161 điểm chấp nhận thẻ POS. Thanh toán dịch vụ công qua hệ thống ngân hàng tiếp tục được triển khai hiệu quả, thông suốt, lũy kế: Thu thuế điện tử đạt 33.436 món, số tiền 938.558 triệu đồng; cường chế thuế 16.348 món, số tiền 13.536 triệu đồng; thu tiền điện 340.112 món, số tiền 283.841 triệu đồng; thu tiền nước 84.606 món, số tiền 23.938 triệu đồng; thu tiền học phí 4.375 món, số tiền 4.225 triệu đồng; thu tiền bảo hiểm xã hội 18.557 món, số tiền 1.101.109 triệu đồng; thu cước viễn thông 156.912 món, số tiền 12.494 triệu đồng; chi trả an sinh xã hội 9.579 món, số tiền 37.933 triệu đồng.

- Xã hội số: Duy trì hoạt động của Tổ chuyển đổi số cộng đồng¹. Tiếp tục hướng dẫn triển khai và đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện của các Tổ chuyển đổi số cộng đồng trên địa bàn tỉnh.

2.10. Hợp tác và hội nhập quốc tế trong lĩnh vực KH, CN, ĐMST&CDS

- Các doanh nghiệp trong Tỉnh đã chủ động tiếp nhận chuyển giao các thiết bị công nghệ hiện đại từ các nước tiên tiến trên thế giới để đưa vào ứng

¹ Duy trì hoạt động của 2.448 Tổ chuyển đổi số cộng đồng¹, với 15.101 thành viên (trong đó có 204 Tổ chuyển đổi số cấp xã với 1.754 thành viên; 2.244 Tổ chuyển đổi số cộng đồng cấp tổ, bản, tiểu khu với 13.347 thành viên). Tiếp tục hướng dẫn triển khai và đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện của các Tổ chuyển đổi số cộng đồng trên địa bàn tỉnh

dụng, cụ thể: Tỉnh Sơn La được chọn là tỉnh đại diện cho Việt Nam tham gia khu gian hàng thành phố đẹp tại Hội chợ Trung Quốc - ASEAN lần thứ 20 (CAEXPO 2023) tổ chức tại Nam Ninh - Trung Quốc. Tổ chức thành công khu gian hàng thành phố đẹp, vinh dự được nhận 1 giải thưởng quan trọng từ Ban tổ chức: Quốc gia thiết kế và tổ chức khu gian hàng quốc gia chủ đề thành phố đẹp ấn tượng nhất; Tổ chức thành công Hội nghị định hướng phát triển thương mại điện tử bền vững tỉnh Sơn La với sự tham gia của hơn 230 đại biểu, trong đó có các chuyên gia, doanh nghiệp đầu ngành trong lĩnh vực thương mại điện tử, chuyển đổi số và logistics; Tập huấn, hỗ trợ cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, hộ kinh doanh...trên địa bàn tỉnh tiếp cận, nâng cao kỹ năng, nắm được quy trình tham gia quảng bá, giới thiệu và bán sản phẩm trên kênh thương mại điện tử, mạng xã hội; Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã đưa các sản phẩm nông sản của tỉnh lên các sàn thương mại điện tử; Thường xuyên cập nhật thông tin về tình hình thông quan và các chính sách, yêu cầu nhập khẩu hàng hóa của thị trường Trung Quốc và các chính sách, yêu cầu nhập khẩu hàng hóa của các nước để hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã trong việc đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa.

- Hàng năm UBND tỉnh chủ động bố trí và phân bổ vốn từ nguồn ngân sách tỉnh cho các dự án liên quan đến phát triển khoa học công nghệ phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: Lĩnh vực công nghiệp (*dự án Khu công nghiệp Mai Sơn*); công nghiệp điện (*dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia, Tiểu dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia*); các dự án số hóa công nghệ thông tin truyền thông (*dự án Số hóa tạo lập cơ sở dữ liệu hộ tịch tỉnh Sơn La, dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai*); dự án hỗ trợ doanh nghiệp, HTX đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, góp phần tạo tài sản sở hữu trí tuệ; dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị thuộc Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTSMN (*Quyết định số 2569/QĐ-UBND ngày 09/12/2022*); Quyết định số 2738/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 giao kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm 2023; Kế hoạch xúc tiến mở rộng thị trường, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, tạo tài sản trí tuệ hiện đang được thực hiện ở địa phương (*Kế hoạch số 38/KH-SKHĐT ngày 08/3/2023 Triển khai các hoạt động truyền thông, quảng bá, xúc tiến tiêu thụ nông sản năm 2023*); Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 01/3/2024 của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng NSTW năm 2024; Quyết định số 871/QĐ-UBND ngày 14/5/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phân bổ kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nguồn NSTW năm 2024.

- Duy trì việc trao đổi thông tin với các tỉnh biên giới nhất là Trung Quốc để nắm bắt, cập nhật thông tin về tình hình thông quan và các chính sách, yêu cầu nhập khẩu hàng hóa của thị trường Trung Quốc, kịp thời thông báo giúp các doanh nghiệp, HTX của tỉnh biết để tránh thiệt hại và giảm bớt chi phí phát sinh.

- Ngoài ra, một số doanh nghiệp ở địa phương có nhiều kết quả nổi bật trong hoạt động nghiên cứu ứng dụng KHCN như: UBND Thành phố thực hiện các hoạt động hỗ trợ, tư vấn hướng dẫn hình thành và phát triển Hợp tác xã;

thực hiện tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; xây dựng thương hiệu sản phẩm, tập trung phát triển sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, theo hướng hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao và đảm bảo điều kiện đề cấp mã số vùng trồng xuất khẩu (*Thành lập mới 04 hợp tác xã nông nghiệp; hỗ trợ cấp giấy chứng nhận VietGAP và in nhãn mác, mua bao bì mới đóng gói sản phẩm cho 04 hợp tác xã theo Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 28/02/2020 của HĐND tỉnh với tổng số tiền là 340 triệu đồng...*).

3. Kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy, phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

3.1 Đánh giá tình hình sắp xếp, tinh gọn bộ máy và hoạt động của các tổ chức KH&CN

- Thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. UBND tỉnh Sơn La ban hành Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 về việc giao tự chủ tự tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh giai đoạn 2022-2026; Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 19/5/2025 về việc sửa đổi Điều 1 Quyết định số 2680/QĐ- UBND ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao quyền tự chủ tài chính cho Trung tâm Đổi mới sáng tạo thuộc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sơn La mức độ tự chủ như sau: Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, mức tự bảo đảm chi thường xuyên là 11%. Thời kỳ ổn định 05 năm giai đoạn 2022-2026.

- Việc xây dựng thực hiện quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý: Thực hiện Quyết định số 279/QĐ-TTg ngày 26/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (*quy hoạch ngành quốc gia*). UBND tỉnh Sơn La đã xây dựng phương án phát triển mạng lưới các tổ chức khoa học và công nghệ tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 gửi Bộ Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 3594/UBND-KGVX ngày 22/10/2021, Công văn số 1139/BKHCN-TCCB ngày 23/5/202 của Bộ Khoa học và Công nghệ về phối hợp xây dựng phương án quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên cơ sở bám sát Quy hoạch của tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Sở Khoa học và Công nghệ thành lập trên cơ sở hợp nhất 02 Sở (*Sở Khoa học và Công nghệ và Sở Thông tin và Truyền thông*). Kết quả sau hợp nhất: Sở Khoa học và Công nghệ gồm 05 phòng chuyên môn (*Văn phòng, Hạ tầng, Khoa học và Công nghệ, Chuyển đổi số, Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*) và 02 đơn vị sự nghiệp trực thuộc (*Trung tâm Công nghệ thông tin và Kiểm định, Trung tâm Đổi mới sáng tạo*). Giảm 02 phòng, 01 chi cục và 01 đơn vị sự nghiệp.

3.2. Đánh giá tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng, phát triển đội ngũ nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Chưa thực hiện

4. Đánh giá tình hình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ không thường xuyên khác theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Hướng dẫn nội dung kế hoạch và dự toán chi sự nghiệp KH&CN từ ngân sách trung ương cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương

4.1. Công tác tham mưu tư vấn

- Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn thi hành, đã ban hành 21 văn bản để chỉ đạo triển khai các hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu cho HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 68/2023/NQ-HĐND ngày 04/10/2023 quy định nội dung, định mức xây dựng dự toán và định mức chi quản lý đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN trên địa bàn tỉnh Sơn La theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính và Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Tổ chức các hội đồng tư vấn cấp tỉnh, cấp cơ sở đối với lĩnh vực khoa học và công nghệ; các hội đồng đánh giá, tuyển chọn, nghiệm thu, tổng kết đối với các nhiệm vụ KH&CN; các hội đồng thẩm định công nghệ dự án đầu tư.

- Tổ chức các lớp tập huấn, Hội nghị, Hội thảo về lĩnh vực khoa học và công nghệ. Bồi dưỡng kiến thức về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; về Quản trị doanh nghiệp cho các doanh nghiệp khởi nghiệp (*START UP*) trên địa bàn tỉnh... Tổ chức các hoạt động nhằm đẩy mạnh tinh thần “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo” theo Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp của tỉnh.

- Tổ chức các hoạt động Ngày khoa học và công nghệ Việt Nam 18/5; ngày Sở hữu trí tuệ 26/4 (*Có Phụ lục 2 biểu -1 kèm theo*).

4.2 Công tác khoa học và công nghệ cấp xã, phường

Chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp UBND các xã, phường chỉ đạo triển khai hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trên địa bàn xã, phường; thực hiện tuyên truyền, phổ biến nhân rộng các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật có hiệu quả vào sản xuất.

4.3. Đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ

- Có 15 viên chức hoàn thành bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp Kỹ sư hạng III; 29 công chức, viên chức hoàn thành chương trình bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.

- Thực hiện Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 11/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về cử các Đoàn, Tổ công tác của tỉnh đi tham gia Hội chợ Trung Quốc - ASEAN lần thứ 20 (*CAEXPO 2023*) nhằm hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh Sơn La kết nối giao thương với các đối tác từ Trung Quốc và các nước ASEAN để xúc tiến tiêu thụ nông sản của Sơn La sang thị trường Trung Quốc, tìm kiếm cơ hội hợp tác, mở rộng thị trường sang các nước ASEAN. Kết thúc chuyến

công tác, Đoàn/Tổ công tác của tỉnh đã báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả chuyên công tác tại Trung Quốc theo quy định.

4.4 Tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ

Đầu tư trang thiết bị kỹ thuật đảm bảo đáp ứng phục vụ công tác quản lý nhà nước về KH&CN; đầu tư trang thiết bị cho các trung tâm trực thuộc để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

4.5 Công tác dịch vụ Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Thử nghiệm 1.637 mẫu, kiểm định 25.080 phương tiện đo; Thực hiện nhiệm vụ tư vấn áp dụng, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với các cơ quan hành chính nhà nước.

4.6 Thực hiện dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

a) Nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa: Triển khai thực hiện nhiệm vụ Hỗ trợ công nghệ cho Doanh nghiệp nhỏ và vừa: Hỗ trợ tư vấn xác lập quyền sở hữu trí tuệ, tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp và Hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết, chuỗi giá trị: Hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng tại Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 01/3/2024 của UBND tỉnh về việc giao nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng ngân sách trung ương năm 2024 từ nguồn vốn ngân sách trung ương chi các hoạt động kinh tế. Kinh phí 750 triệu đồng.

b) Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng tỉnh Sơn La lần thứ 6, năm 2023; Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh Sơn La lần thứ 9, năm 2024

- Năm 2023, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật được giao chủ trì tham mưu tổ chức Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng tỉnh Sơn La lần thứ 6, năm 2023 (*gọi tắt là Cuộc thi*). Tổng kinh phí thực hiện là 300 triệu đồng. Kết quả có 97 hồ sơ tham dự của 70 đơn vị trường học tham gia trên 5 lĩnh vực: Đồ dùng dành cho học tập, Phần mềm tin học, Sản phẩm thân thiện với môi trường, Các dụng cụ sinh hoạt gia đình và đồ chơi trẻ em, Các giải pháp kỹ thuật nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế. Ban Tổ chức đã trao 27 giải gồm: 05 giải nhất, 05 giải nhì, 05 giải ba và 12 giải khuyến khích. Ngoài ra Ban tổ chức huy động các nhà tài trợ trao 19 giải tiềm năng và 01 tác giả nhỏ tuổi nhất. Ủy ban nhân dân tỉnh và Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh tặng **15 Bằng khen**, các sở ngành tặng 44 giấy khen cho các tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc.

Ban Tổ chức đã lựa chọn 14 mô hình, sản phẩm gửi tham dự Cuộc thi Sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng toàn quốc lần thứ 19, năm 2023. Kết quả, tỉnh Sơn La đoạt 02 giải Khuyến khích Cuộc thi toàn quốc, đó là: (1) *Mô hình mỹ thuật "Theo mẹ lên rẫy"* của nhóm tác giả trường TH&THCS Đông Sang, huyện Mộc Châu và trường TH&THCS Chiềng Ngần B, TP Sơn La; (2) *Sách lật 3D - Truyện cổ tích dân tộc Thái "Hát lên chú Cây Hương"* của nhóm tác giả trường TH&THCS Mường Sang và trường THCS Mộc Ly.

- Năm 2024, tổ chức Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh Sơn La lần thứ 9. Tổng kinh phí 500 triệu đồng. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh đã tham mưu tổ chức Lễ phát động Hội thi và triển khai công tác tuyên truyền về Hội thi bằng các hình thức: Tuyên truyền trên các trang thông tin điện tử; bằng hệ thống văn bản triển khai hướng dẫn của các sở, ngành, đơn vị thành viên Ban Tổ chức; tuyên truyền trên Bản tin, Trang thông tin điện tử Susta.vn; trực tiếp tuyên truyền, hướng dẫn tham gia Hội thi tại 11 huyện trên địa bàn tỉnh.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÂN BỐ, GIẢI NGÂN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO KH, CN, ĐMST&CDS

Việc phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp KH&CN được thực hiện theo đúng Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Ngân sách nhà nước và đảm bảo đúng các quy định hiện hành. Kinh phí sự nghiệp KH&CN được UBND tỉnh giao bằng kinh phí thông báo của Bộ Khoa học và Công nghệ. Hằng năm cơ bản đều được thực hiện 100% kinh phí được phân bổ. Dự ước đến hết tháng năm 2025 sẽ hoàn thành giải ngân thanh toán kinh phí được giao.

- Tổng số kinh phí chi sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là 374.989 triệu đồng.

Trong đó:

+ Ngân sách được Trung ương thông báo giai đoạn 2021-2025, số tiền: 105.329 triệu đồng.

+ Ngân sách được Địa phương thông báo giai đoạn 2021-2025, số tiền: 269.660 triệu đồng.

- Tổng số kinh phí chi sự nghiệp khoa học và công nghệ được UBND tỉnh phê duyệt, số tiền: 374.989 triệu đồng.

- Ước thực hiện số tiền: 374.989 triệu đồng.

III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Sơn La là tỉnh miền núi còn nhiều khó khăn, địa hình chia cắt phức tạp (*có nhiều tiểu vùng khí hậu*); cơ sở vật chất kỹ thuật còn thiếu thốn...; Chưa có chính sách khuyến khích ứng dụng tiến bộ KH&CN trên địa bàn tỉnh dẫn đến khó khăn trong việc triển khai ứng dụng nhân rộng kết quả đề tài, dự án sau khi được nghiệm thu.

- Việc xác định giá trị tài sản sau khi kết thúc nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước, tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đạt tiêu chuẩn là tài sản cố định được xử lý theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ.

- Tiêu chuẩn xác định tài sản cố định theo Điều 3 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính chưa quy định rõ tài sản sau khi kết thúc nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước như mục tài sản, dạng tài sản (*Hữu hình, vô hình, tài sản cố định, tài sản chưa phải tài sản cố định*).

- Việc theo dõi, quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thu được sau thực hiện nhiệm vụ cấp trên giao và nhiệm vụ cấp cơ sở chưa rõ (*Nội dung này hạch toán vào thu sự nghiệp của đơn vị theo Điều 18 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày*

21/6/2021 của Chính phủ hay phải nộp toàn bộ số tiền thu được trên vào ngân sách nhà nước theo mục 3 Điều 62 Luật Quản lý tài sản công)

- Nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ năm 2025 bố trí một phần cho hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập (*chi thường xuyên gồm lương, phụ cấp lương và các khoản chi khác*) do vậy dẫn đến việc thực hiện các nhiệm vụ khác so với kế hoạch đã xây dựng từ đầu năm đều phải cắt giảm các nội dung thực hiện, ưu tiên các nhiệm vụ đã có phê duyệt từ trước (*nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra*).

- Cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, trang thiết bị của các đơn vị sự nghiệp công lập còn thiếu ở rất nhiều lĩnh vực thiết yếu, do chưa được đầu tư.

- Việc triển khai xây dựng Đề án liên doanh, liên kết với các Viện, Trường Đại học, doanh nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ tại Khu nghiên cứu ứng dụng Mộc Châu còn nhiều bất cập do vướng mắc về cơ chế, chính sách.

- Kinh phí để triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2025 của Ban chấp hành Trung ương về đột phá phát triển khoa học công nghệ, Đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số UBND tỉnh Sơn La đã có 02 Công văn (*Công văn số 2560/UBND-KGVX ngày 29/5/2025; Công văn số 3639/UBND-KGVX ngày 9/7/2025*) đề xuất kính phí thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2025, Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban chỉ đạo Trung ương, số tiền 227.200 triệu đồng, đến thời điểm báo cáo đơn vị vẫn chưa nhận được ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ, kính đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quan tâm cân đối nguồn kinh phí để tỉnh Sơn La triển khai được các nhiệm vụ trong năm 2025.

D. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH SỰ NGHIỆP KH&CN NĂM 2026

I. PHƯƠNG HƯỚNG

1. Năm 2025 là năm đầu tiên thực hiện việc lập dự toán ngân sách KH, CN, ĐMST&CDS theo quy định mới của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, Luật Ngân sách nhà nước sửa đổi và các quy định mới của pháp luật có liên quan. Để đảm bảo phạm vi tổng hợp đầy đủ các khoản chi ngân sách nhà nước cho hoạt động KH, CN, ĐMST&CDS (*gồm cả chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên của NSTW, NSDP*) ở tất cả các lĩnh vực chi.

2. Tăng cường kiểm tra, giám sát và thanh tra chuyên ngành việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Hoàn thiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập phù hợp với đặc thù của hoạt động KH&CN. Từng bước nâng cao năng lực của bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN.

3. Huy động các nguồn lực để triển khai chương trình KH&CN, đổi mới công nghệ; tăng nguồn lực đầu tư về KH&CN, nguồn ngân sách, nhất là các doanh nghiệp để đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, gắn nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở các cấp, ngành.

4. Phát triển thị trường KH&CN gắn với thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ nhằm thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu, khai thác sáng chế, ứng dụng và phát triển công nghệ, khuyến khích sáng tạo KH&CN. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Hình thành hệ thống doanh

ng nghiệp KH&CN. Phát triển mạng lưới các tổ chức dịch vụ KH&CN. Phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu về KH&CN song song với phát triển toàn diện công tác thống kê KH&CN, công khai thông tin về kết quả, hiệu quả hoạt động KH&CN.

5. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế về KH&CN nhằm nâng cao khả năng tiếp thu, làm chủ thành tựu công nghệ tiên tiến góp phần vào việc phát triển tiềm lực KH&CN, nâng cao năng suất chất lượng sản phẩm, dịch vụ.

6. Thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2025, Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban chỉ đạo Trung ương.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia và cấp tỉnh

- Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện cơ chế chính sách hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống; thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp và hợp tác xã áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất các sản phẩm nông sản cốt lõi, có lợi thế phát triển của tỉnh.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội tại địa phương, trong đó tập trung vào ứng dụng công nghệ nông nghiệp thông minh và bền vững, gồm: Công nghệ sinh học (*cây trồng, vật nuôi kháng bệnh, năng suất cao*), công nghệ số (*IoT, AI, Big Data trong quản lý trang trại, giám sát cây trồng, vật nuôi*), và công nghệ vật liệu mới trong nông nghiệp; các mô hình sản xuất nông nghiệp thông minh, sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm phát thải và tăng cường khả năng chống chịu trước thiên tai, biến đổi khí hậu; Ứng dụng công nghệ số để tối ưu hóa từ sản xuất, chế biến đến phân phối và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, thúc đẩy thương mại điện tử nông sản; các giải pháp AI để hỗ trợ chẩn đoán, điều trị, quản lý dịch bệnh và cá nhân hóa chăm sóc sức khỏe; Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống trong môi trường số; Nghiên cứu xây dựng cơ chế ứng dụng khoa học xã hội và nhân văn trong xây dựng hệ sinh thái văn hóa số, phát triển công nghiệp văn hóa, nâng cao sức mạnh mềm quốc gia,...

- Tập trung triển khai nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ đổi mới với các vùng trọng điểm của tỉnh; tiếp tục triển khai Chương trình KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội thông qua kết quả nghiên cứu các nhiệm vụ khoa học cấp quốc gia.

- Hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp tham gia thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, đặc biệt là các nhiệm vụ KH&CN phục vụ các sản phẩm chủ lực theo chuỗi giá trị có tiềm năng xuất khẩu. Nhân rộng các mô hình ứng dụng KH&CN tiên tiến vào sản xuất; chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan, doanh nghiệp.

- Thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với các nhiệm vụ KH&CN chuyển tiếp từ năm 2025 sang và nhiệm vụ được phê duyệt từ năm 2026.

2. Hoạt động sở hữu trí tuệ, quản lý công nghệ và đổi mới sáng tạo, an toàn bức xạ

2.1. Hoạt động sở hữu trí tuệ

- Tiếp tục triển khai Chiến lược Sở hữu trí tuệ và Chương trình phát triển tài sản trí tuệ; hỗ trợ các chủ thể triển khai, quản lý tài sản trí tuệ phù hợp với chính quyền địa phương 02 cấp.
- Tuyên truyền, tập huấn, nâng cao nhận thức và năng lực về SHTT nhằm khuyến khích đổi mới sáng tạo, hình thành văn hoá SHTT trong xã hội.
- Hướng dẫn, hỗ trợ đăng ký bảo hộ cho các sản phẩm, kết quả nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tư vấn hỗ trợ các doanh nghiệp tư nhân đăng ký bảo hộ, bảo vệ quyền SHTT.
- Hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý, phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm OCOP.
- Triển khai các hoạt động theo dõi, đánh giá hoạt động thương mại hoá sáng chế và đánh giá mức độ đóng góp của các tài sản trí tuệ đã được thương mại hoá đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.
- Hỗ trợ xác lập, quản lý và phát triển dưới hình thức NHTT, NHCN, CDDL đối với các sản phẩm, dịch vụ du lịch; các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, sản phẩm chủ lực của tỉnh, sản phẩm OCCP; bảo hộ sở hữu trí tuệ tại nước ngoài từ 01-02 sản phẩm chủ lực của tỉnh.
- Tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả chỉ dẫn địa lý đã được bảo hộ; các sản phẩm đã được bảo hộ.

2.2. Hoạt động Quản lý công nghệ và doanh nghiệp KH&CN

- Tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả pháp luật về Chuyển giao công nghệ, khoa học và công nghệ và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Tham gia thẩm định, kiểm tra, giám sát công nghệ các dự án đầu tư theo quy định.
- Xây dựng và triển khai các chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp nghiên cứu và ứng dụng công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế.
- Tập trung phát triển các công nghệ ưu tiên có khả năng ứng dụng vào thực tiễn để phát triển các sản phẩm cụ thể, phù hợp với lợi thế cạnh tranh của địa phương.
- Khuyến khích thành lập các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ. Thúc đẩy các hoạt động chuyển giao công nghệ trong nước, chuyển giao các công nghệ ưu tiên từ nước ngoài vào Việt Nam.
- Thực hiện hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp nhận các quy trình công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, các sáng chế, giải pháp hữu ích phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị để áp dụng trong quá trình sản xuất, chế biến trong đó ưu tiên chú trọng các công nghệ bảo quản sau thu hoạch, công nghệ chế biến sâu, giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong lĩnh vực nông lâm thủy sản đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và ngoài nước.

- Thẩm định, có ý kiến, kiểm tra, giám sát về công nghệ của dự án đầu tư theo thẩm quyền.

- Tổ chức đánh giá, lựa chọn, công bố công nghệ tạo ra từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

- Thẩm định Hợp đồng chuyển giao công nghệ và Cấp giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ.

2.3. An toàn bức xạ và hạt nhân

- Tổ chức các lớp đào tạo ngắn hạn về an toàn bức xạ cho nhân viên tiến hành công việc bức xạ và người phụ trách an toàn cho những người tiến hành công việc bức xạ tại các cơ sở, đơn vị ứng dụng đồng vị phóng xạ và năng lượng nguyên tử cho các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Kiểm tra các điều kiện để cấp phép tiến hành công việc bức xạ *(theo yêu cầu của các cơ quan, đơn vị)*.

2.4. Đổi mới sáng tạo (hoạt động ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ; khởi nghiệp sáng tạo và phát triển doanh nghiệp KH&CN; phát triển thị trường KH&CN)

- Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ như: Tìm kiếm, phân tích, đánh giá, định giá công nghệ; mua/chuyển giao công nghệ/khai thác tài sản trí tuệ; nghiên cứu để làm chủ và cải tiến công nghệ; hoàn thiện, đổi mới công nghệ; hoàn thiện, đổi mới dây chuyền sản xuất *(nếu có)*.

- Triển khai các giải pháp cải thiện chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương (PII) và các chỉ số liên quan đến đổi mới sáng tạo.

- Triển khai có hiệu quả các chính sách khuyến khích, huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo; thu hút phát triển đội ngũ cố vấn khởi nghiệp sáng tạo, chuyên gia làm việc trên địa bàn tỉnh; thu hút các nhà sáng lập doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Triển khai có hiệu quả Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Sơn La, xây dựng thành công 01 Vườn ươm khởi nghiệp của tỉnh; xây dựng đội ngũ cố vấn khởi nghiệp là các chuyên gia trong các lĩnh vực công nghệ thông tin, nông nghiệp, du lịch, giáo dục, kỹ thuật.

- Thu hút các quỹ đầu tư mạo hiểm và các nhà đầu tư thiên thần, các doanh nghiệp lớn quan tâm, đầu tư cho các doanh nghiệp khởi nghiệp của tỉnh; hỗ trợ hoạt động cho Vườn ươm khởi nghiệp.

- Tổ chức các chương trình kết nối khởi nghiệp, ngày hội khởi nghiệp, cuộc thi khởi nghiệp, đào tạo - tập huấn kiến thức và kỹ năng khởi nghiệp nhằm tạo điều kiện cho các ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo hình thành và phát triển.

2.5. Nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

- Triển khai có hiệu quả Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Sơn La đến năm 2025. Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo theo tinh thần tại Nghị quyết số 143/2020/NQ-HĐND ngày 30/10/2020

của HĐND tỉnh quy định nội dung và mức chi thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” trên địa bàn tỉnh Sơn La; Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Sơn La giai đoạn 2017-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 2610/QĐ-UBND ngày 09/10/2017.

- Tập trung tuyên truyền sâu rộng tới mọi tầng lớp nhân dân về khoa học công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Giới thiệu, tuyên truyền phổ biến những cách làm hay, những mô hình khởi nghiệp tiêu biểu, thành công, lan toả tinh thần khởi nghiệp.

- Thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng tạo và tinh thần khởi nghiệp hỗ trợ chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ (KH&CN) nhằm ươm mầm các ý tưởng sáng tạo và khởi nghiệp; Tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên tại các trường chuyên nghiệp trên địa bàn tỉnh thăm quan, học hỏi các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ tại Khu nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN về nông, lâm nghiệp Mộc Châu.

- Xây dựng các mô hình khởi nghiệp gắn với Du lịch trải nghiệm; triển khai thực hiện thí điểm các mô hình ứng dụng tiến bộ KH&CN và chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học vào thực tiễn khi đạt hiệu quả.

- Vận hành cổng thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Sơn La.

3. Hoạt động kiểm tra khoa học và công nghệ

- Kiểm tra đo lường, chất lượng, sở hữu công nghiệp; an toàn bức xạ; đề tài, dự án; thanh tra hành chính.

- Giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo theo thẩm quyền. Hướng dẫn các huyện, thành phố giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực KH&CN.

4. Hoạt động quản lý khoa học và công nghệ cơ sở

Hỗ trợ các xã phường ứng dụng khoa học và công nghệ; các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ.

5. Hoạt động quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng

- Đẩy mạnh tuyên truyền Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Luật Đo lường và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

- Hoạt động quản lý Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; Thanh, kiểm tra nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ khoa học và Công nghệ trên địa bàn tỉnh. Chủ trì, phối hợp kiểm tra theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ và các sở chuyên ngành trên địa bàn tỉnh.

- Hoạt động Giải thưởng Chất lượng quốc gia: Tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ về giải thưởng chất lượng quốc gia; tổ chức đánh giá, thẩm định các cơ sở, đơn vị đề xuất tham gia giải thưởng; họp hội đồng sơ tuyển Giải thưởng chất lượng quốc gia.

- Thực hiện nhiệm vụ thông báo hỏi đáp về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và hàng rào kỹ thuật trong thương mại trên địa bàn.

6. Hoạt động thông tin, ứng dụng và hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

- Thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về KH&CN, ĐMST và CDS trên các phương tiện thông tin đại chúng; Thực hiện công tác thống kê KH&CN, ĐMST và CDS theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Triển khai ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ trong và ngoài nước vào các lĩnh vực sản xuất, đời sống và bảo vệ môi trường; Lựa chọn các tiến bộ kỹ thuật và tổ chức khảo nghiệm để hoàn thiện quy trình kỹ thuật phù hợp với điều kiện địa phương đối với các sản phẩm mới; Tham gia và tổ chức thực hiện các hoạt động tìm kiếm, trình diễn, kết nối cung cầu công nghệ và nhân rộng mô hình ứng dụng thành công; Tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên gia các tiến bộ khoa học kỹ thuật đến người dân; tổ chức các cuộc tham quan các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ trong và ngoài tỉnh; Xây dựng các mô hình trình diễn về ứng dụng các công nghệ mới, các kỹ thuật tiên bộ và phổ biến nhân rộng phù hợp với địa phương; Thực hiện hoạt động hợp tác, liên kết trong và ngoài nước thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và theo phân cấp, phân quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và của Sở.

- Làm việc với các tổ chức, cá nhân khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm nắm bắt nhu cầu hỗ trợ, nhu cầu đào tạo, tập huấn; Tổ chức, kết nối cho tổ chức, cá nhân khởi nghiệp đi thực tế tại Viện Cơ điện Nông nghiệp và Công nghệ sau thu hoạch; Học viện Nông nghiệp Việt Nam... để nắm bắt về công nghệ chế biến sâu, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch; Tham gia các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ; sự kiện, hội nghị, hội thảo; tham quan, học tập, hợp tác chia sẻ kinh nghiệm về các mô hình hoạt động về lĩnh vực thông tin, thống kê khoa học và công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo do Bộ Khoa học và Công nghệ, các đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức hằng năm; Tổ chức lớp tập huấn, đào tạo cho các tổ chức, cá nhân khởi nghiệp: Năng lực vận hành quản trị kinh doanh; Hướng dẫn sử dụng nghệ AI vào kinh doanh, truyền thông dự án khởi nghiệp

7. Đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ

Đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ quản lý KH&CN đối với cán bộ làm công tác quản lý khoa học và công nghệ; Cử cán bộ tham gia các đoàn học tập, trao đổi kinh nghiệm quản lý về lĩnh vực KH&CN do Bộ Khoa học và Công nghệ, UBND tỉnh và các ngành có liên quan tổ chức.

8. Công tác tư vấn

- Tổ chức các hội đồng tư vấn cấp tỉnh, cấp cơ sở đối với lĩnh vực khoa học và công nghệ; các hội đồng đánh giá, tuyển chọn, nghiệm thu, tổng kết đối với các nhiệm vụ KH&CN; các hội đồng thẩm định công nghệ dự án đầu tư.

- Tổ chức các lớp tập huấn, Hội nghị, Hội thảo về lĩnh vực khoa học và công nghệ. Bồi dưỡng kiến thức về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; về Quản trị doanh nghiệp cho các doanh nghiệp khởi nghiệp (*STARTUP*) trên địa bàn tỉnh... Tổ chức các hoạt động nhằm đẩy mạnh tinh thần “Khởi nghiệp đổi mới sáng

tạo” theo Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp của tỉnh; Tổ chức các hoạt động Ngày khoa học và công nghệ Việt Nam 18.5.

9. Tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ

Đầu tư trang thiết bị kỹ thuật đảm bảo đáp ứng phục vụ công tác quản lý nhà nước về KH&CN; đầu tư trang thiết bị cho các trung tâm trực thuộc để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

10. Công tác quản lý khoa học và công nghệ cấp xã, phường

Tiếp tục chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai hoạt động quản lý nhà nước về đo lường, chất lượng, hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật trên địa bàn.

11. Thực hiện dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước

- Dịch vụ hoạt động khoa học và công nghệ.
- Dịch vụ lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng: Xây dựng và tư vấn áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trong hoạt động của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La; Thử nghiệm chất lượng sản phẩm hàng hóa phục vụ quản lý nhà nước.

12. Thực hiện quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý

Thực hiện tốt Quyết định số 229/QĐ-TTg ngày 13/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Quyết định số 369/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.

13. Lĩnh vực chuyển đổi số

Tham mưu ban hành Kế hoạch hành động chiến lược triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, đề xuất nhiệm vụ, sáng kiến tại Kế hoạch của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 02/6/2025, Đề xuất bổ sung nhiệm vụ đối với Kế hoạch số 333-KH/TU; đăng ký nhu cầu kinh phí 2025 thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm được giao tại Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025; rà soát, sửa đổi, bổ sung kế hoạch chuyển đổi số 2025. Các nội dung liên quan đến chính quyền 2 cấp: Nghiên cứu hướng dẫn các xã thực hiện nội dung phân cấp liên quan đến Nghị định số 132/2025/NĐ-CP; phối hợp với các doanh nghiệp, xã trong việc hỗ trợ các xã, phường thời gian trước và sau khi vận hành chính quyền 2 cấp; hướng dẫn các xã, phường thành lập Tổ ứng cứu công nghệ và nghiệp vụ; Tổ công nghệ số cộng đồng; đơn đốc, hướng dẫn các xã, phường triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”; tham gia Tổ công tác kiểm tra vận thành thử nghiệm hoạt động chính quyền địa phương cấp xã.

14. Lĩnh vực hạ tầng, bưu chính

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ, Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh.

- Phát triển bưu chính đáp ứng hạ tầng thiết yếu của nền kinh tế số, nhất là thương mại điện tử; góp phần thúc đẩy phát triển Chính quyền số, xã hội số. Bưu chính đáp ứng hạ tầng thiết yếu của nền kinh tế số và cho thương mại điện tử. Phấn đấu 100% điểm phục vụ bưu chính có khả năng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Tham gia thực hiện giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận một cửa các cấp, góp phần tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp giảm thời gian đi lại và chi phí xã hội. Duy trì số điểm phục vụ bưu chính: 269 điểm; bán kính phục vụ bình quân là 4,090 km/điểm.

- Đầu tư mở rộng hạ tầng băng rộng di động 5G tại các khu vực trọng điểm: Khu vực hành chính công; khu di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, khu du lịch trọng điểm; cơ sở y tế; các trường cao đẳng, đại học; đầu mối giao thông; dọc tuyến đường bộ, các trung tâm thương mại; khu dân cư; khu vực tập trung đông dân cư; các tòa nhà thương mại, khách sạn; khu công nghiệp; các đô thị và khu vực trọng điểm ở nông thôn...

- Xây dựng và triển khai Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Sơn La đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035; Kế hoạch phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Tập trung quy hoạch, xây dựng và quản lý hạ tầng đô thị thông minh, ứng dụng công nghệ số, xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số. Đầu tư, nâng cấp, duy trì, hoạt động một cách thường xuyên, ổn định nền tảng trực tích hợp kết nối, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh nhằm kết nối các hệ thống thông tin trong và ngoài tỉnh.

- Triển khai Trung tâm dữ liệu của tỉnh theo công nghệ điện toán đám mây đủ năng lực cung cấp môi trường cài đặt, duy trì hoạt động các hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung của tỉnh và ứng dụng CNTT của các cơ quan, đơn vị theo công nghệ điện toán đám mây.

- Rà soát lập phương án triển khai hạ tầng công nghệ thông tin tại trụ sở các xã mới được thành lập đảm bảo hoạt động thông suốt các hệ thống thông tin, phần mềm dùng chung của tỉnh và ứng dụng CNTT của các cơ quan, đơn vị.

III. NHU CẦU KINH PHÍ

Tổng nhu cầu kinh phí cho lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Sơn La năm 2026 là: **572.674 triệu đồng** (Năm trăm bảy mươi hai tỷ, sáu trăm bảy mươi tư triệu đồng). Trong đó:

1. Dự toán chi thường xuyên:

* **Nguồn NSDP dự kiến cân đối: 157.293 triệu đồng.** Trong đó:

- Nhiệm vụ chi KHCN : 7.500 triệu đồng.

- Nhiệm vụ chi CDS: 149.793 triệu đồng.

* **Nguồn NSTW: 53.008 triệu đồng.** Trong đó:

- Nhiệm vụ chi KHCN: 35.482 triệu đồng.
- Nhiệm vụ chi CDS: 17.526 triệu đồng.

2. Chi đầu tư: 82.695 triệu đồng

*** Nguồn NSDP dự kiến cân đối: 82.695 triệu đồng.** Trong đó: Nhiệm vụ chi CDS: 82.965 triệu đồng

*** Nguồn NSTW: 0 đồng.**

(Phụ lục 3 biểu 3-2, biểu 3-6 kèm theo)

3. Nhiệm vụ triển khai theo Nghị quyết số 57-NQ/TW

*** Nhu cầu kinh phí đề xuất NSTW hỗ trợ: 279.678 triệu đồng.** Trong đó:

- Chi đầu tư: 0 triệu đồng.
- Chi thường xuyên: 279.678 triệu đồng.
- + Nhiệm vụ chi CDS (thực hiện Nghị quyết số 57): 279.678 triệu đồng.

*** Khó khăn, kiến nghị**

Trong những năm qua công tác phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của tỉnh Sơn La tiếp tục được quan tâm chỉ đạo. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh được triển khai toàn diện trên nhiều lĩnh vực và từng bước đi vào chiều sâu, có tính ứng dụng cao trong thực tiễn sản xuất và đời sống. Nguồn lực được quan tâm tiếp tục đầu tư cho các lĩnh vực ngành.

Tuy nhiên, để xây dựng các hệ thống dữ liệu lớn của ngành về đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy sản; thúc đẩy cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai; Thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong công tác quản lý; Phân đầu đến năm 2030, tổng diện tích tự nhiên trên địa bàn được đo đạc, lập bản đồ địa chính chính quy và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; Đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin đất đai, hồ sơ địa chính theo mô hình hiện đại, tập trung, thống nhất, mang tính tích hợp. Đặt ra yêu cầu về nguồn lực rất lớn cho nhiệm vụ này. Với điều kiện Ngân sách địa phương còn hạn hẹp, khả năng cân đối cho toàn ngành Nông nghiệp và Môi trường là rất khó khăn để đạt được mục tiêu trên trong giai đoạn 2026-2030.

Tổng nhu cầu kinh phí dự kiến giai đoạn 2026-2030: 1.787.812 triệu đồng (có biểu chi tiết kèm theo). Trong đó:

- Nguồn NSDP dự kiến bố trí giai đoạn 2026-2030: Dự kiến từ thu tiền sử dụng đất 10%: Khoảng 764.332 triệu đồng.
- Số kinh phí hiện còn thiếu đề nghị Trung ương hỗ trợ giai đoạn 2026-2030: 992.787 triệu đồng và đề xuất nhu cầu trong năm 2026 là 279.678 triệu đồng.
- Dự kiến nguồn còn lại đề nghị bố trí giai đoạn sau 30.694 triệu đồng.

Từ những khó khăn trên UBND tỉnh Sơn La kính đề nghị Vụ Kế hoạch Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp trình hỗ trợ tỉnh số kinh phí dự kiến trên cho nhiệm vụ chuyển đổi số lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì hướng dẫn các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường, cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng danh mục, mục tiêu, nội dung, kế hoạch và triển khai thực hiện các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp tỉnh, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ chủ yếu năm 2026.

- Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia, cấp tỉnh năm 2026 và các năm tiếp theo.

- Chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ kết quả triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ năm 2026 theo quy định.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định hiện hành đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương.

3. Các Sở, ban ngành, UBND các xã, phường

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026 gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp.

4. Chế độ báo cáo

Các Sở, ban ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường, cơ quan, đơn vị có liên quan đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và dự toán ngân sách năm 2026, gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ trước ngày 15/12/2026.

Trên đây là nội dung kế hoạch và dự toán ngân sách khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo năm 2026. Yêu cầu các Sở, ban ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường, cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (B/c);
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh (B/c);
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Vụ, Cục, Văn phòng thuộc Bộ KH&CN:
- + Các Vụ: KH-TC; UD công nghệ và tiến bộ kỹ thuật; Vụ Công nghệ cao;
- Các Sở, ban, ngành;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Liên hiệp các Hội KH&KT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, Hà.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công

